

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành và niêm yết giá dịch vụ tại Cảng PVC-MS

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ - XÍ NGHIỆP DỊCH VỤ CẢNG

- Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-KCKL-HĐTQT ngày 23/6/2020 của Hội đồng quản trị Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí về việc thành lập Chi nhánh Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí - Xí nghiệp Dịch vụ Cảng;
- Căn cứ Quyết định số 52/QĐ-KCKL-HĐTQT ngày 22/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí về việc phê duyệt quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Dịch vụ Cảng;
- Căn cứ Nghị định số 146/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 của Chính phủ quy định về niêm yết giá, phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa container bằng đường biển, giá dịch vụ tại cảng biển; Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.
- Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt nam;
- Căn cứ Quyết định Số 809/QĐ-BGTVT ngày 1/7/2024 về việc ban hành khung giá dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo tại cảng biển Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư số 31/2024/TT-BGTVT ngày 30/10/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024 và các quy định về giá của Bộ giao thông vận tải;
- Căn cứ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp Dịch vụ cảng;
- Theo đề nghị của Phòng Kinh doanh Dịch vụ Cảng, Phòng Tổng hợp Xí nghiệp Dịch vụ cảng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Biểu giá dịch vụ tại Cảng PVC-MS của Chi nhánh Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí – Xí nghiệp Dịch vụ Cảng theo Biểu giá chi tiết đính kèm.

Điều 2. Biểu giá trên có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho các văn bản, quy định về áp dụng giá dịch vụ tại Cảng PVC-MS đã ban hành trước đây.

Điều 3. Ban Giám đốc, Trưởng các Phòng Kinh doanh Dịch vụ Cảng, Phòng Tổng hợp và các bộ phận liên quan của Chi nhánh Công ty PVC-MS – Xí nghiệp Dịch vụ Cảng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu: VT, KDDVC.

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Trần Quang Ngọc

BIỂU GIÁ DỊCH VỤ CẢNG BIỂN

(Ban hành theo Quyết định số 203A/QĐ-KCKL-XNC ngày 01 / 8 /2025)

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá	
			Kê khai mới	
			Tối thiểu	Tối đa
A.	Khung giá dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo thuộc khu vực hàng hải đối với tàu thuyền, hàng hóa, hành khách hoạt động vận tải nội địa:			
I	Đối với tàu thuyền:			
1	Tàu thuyền neo buộc tại cầu, bến	Đồng/GT/giờ	14,58	16,20
2	Tàu thuyền nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm cầu, bến	Đồng/GT/giờ	14,58	16,20
3	Tàu thuyền cập mạn với tàu thuyền khác ở cầu, phao neo	Đồng/GT/giờ	7,29	8,10
4	Tàu thuyền chuyên dùng phục vụ dầu khí neo, buộc tại bến cảng dịch vụ dầu khí có làm hàng hoặc nhận dầu, nước; giá tối thiểu cho một lượt cập cầu là 2.000.000 đồng/tàu	Đồng/m/giờ	4.860	7.290
5	Tàu thuyền chuyên dùng phục vụ dầu khí neo, buộc tại bến cảng dịch vụ dầu khí không làm hàng hoặc không nhận dầu, nước hoặc phục vụ mục đích khác; giá tối thiểu cho một lượt cập cầu là 2.250.000 đồng/tàu	Đồng/m/giờ	3.564	8.618
6	Tàu thuyền chuyên dùng phục vụ dầu khí cập mạn với các tàu thuyền khác cập tại bến cảng dịch vụ dầu khí; giá tối thiểu cho một lượt đổ áp mạn là 600.000 đồng/tàu	Đồng/m/giờ	1.620	1.987
7	Điện năng	Đồng/Kw	3.300	3.888
8	Nước sạch	Đồng/m³	52.500	63.000
II	Đối với hàng hóa, hành khách thông qua cầu, bến, phao neo:			
1	Hàng hóa qua cảng chuyên dùng phục vụ dầu khí	Đồng/tấn	19.980	21.870
B.	Khung giá sử dụng cầu, bến, phao neo thuộc khu vực hàng hải đối với tàu thuyền, hàng hóa, hành khách hoạt động vận tải quốc tế:			
I	Đối với tàu thuyền:			
1	Tàu thuyền neo buộc tại cầu, bến	USD/GT/giờ	0,0028	0,0031
2	Tàu thuyền nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm cầu, bến	USD/GT/giờ	0,0054	0,0060
3	Tàu thuyền cập mạn với tàu thuyền khác ở cầu, phao neo	USD/GT/giờ	0,0014	0,0015
4	Tàu thuyền chuyên dùng phục vụ dầu khí neo buộc tại bến cảng dịch vụ dầu khí mà có làm hàng hoặc nhận dầu, nước; giá tối thiểu cho một lượt cập cầu là 90 USD/tàu	USD/m/giờ	0,27	0,30
5	Tàu thuyền chuyên dùng phục vụ dầu khí neo buộc tại bến cảng dịch vụ dầu khí mà không làm hàng hoặc không nhận dầu, nước hoặc phục vụ mục đích khác; giá tối thiểu cho một lượt cập cầu là 100 USD/tàu	USD/m/giờ	0,15	0,354
6	Tàu thuyền chuyên dùng phục vụ dầu khí cập mạn với các tàu thuyền khác cập tại bến cảng dịch vụ dầu khí; giá tối thiểu cho một lượt cập mạn là 25 USD/tàu	USD/m/giờ	0,074	0,081
7	Điện năng	USD/Kw	0,138	0,138
8	Nước sạch	USD/m³	2,40	2,40
II	Đối với hàng hóa, hành khách thông qua cầu, bến, phao neo:			
1	Hàng hóa qua cảng chuyên dùng phục vụ dầu khí	USD/tấn	0,81	0,90

834094-00
PHI NHANH
GTÝ CỔ PH
CẦU KIM L
ÁP MÁY D
XÍ NGHIỆP
DỊCH VỤ C
TÀU T. BÀ T

C	Dịch vụ thu gom, phân loại và xử lý chất thải từ hoạt động của tàu thuyền tại cảng:			
1	Rác thải sinh hoạt thông thường phát sinh trong quá trình tàu neo đậu tại cảng	2ngày/lần	462.000	462.000
2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	Đồng/Kg	4.752	6.480
3	Chất thải nguy hại	Đồng/Kg	5.940	8.100

• **Quy định về giá dịch vụ:**

1. Giá dịch vụ tại cảng biển PVC-MS được thực hiện theo Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt nam; Thông tư số 31/2024/TT-BGTVT ngày 30/10/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024 và các quy định về giá của Bộ giao thông vận tải; Nghị định 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá; Quyết định số 809/QĐ-BGTVT ngày 01/7/2024 về ban hành khung giá dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo tại cảng biển Việt Nam.
2. Đơn giá dịch vụ trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 8% đối với hoạt động vận tải nội địa.
3. Chính sách và mức khuyến mại, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng: Trong quá trình thực hiện cung cấp dịch vụ, căn cứ theo tình hình biến động giá cả trên thị trường, đặc biệt là trong ngành dầu khí và căn cứ vào những khách hàng có mối quan hệ giao dịch thường xuyên, có tiềm năng sẽ xem xét đến yếu tố giảm giá để duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài và bền vững.
4. Đối với hoạt động vận tải quốc tế sử dụng đồng USD áp dụng theo tỉ giá ngoại tệ của ngân hàng Vietcombank tại thời điểm thanh toán.
5. Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày **01/8/2025**.

